

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**CHI CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

Số: 554 /BC-CCTTBVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 29 tháng 5 năm 2024 đến ngày 04 tháng 6 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi; ngày nắng nóng. Gió tây nam cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 26°C - 29°C, nhiệt độ cao nhất từ 34°C - 36°C, có nơi trên 36°C.

Dự báo tuần tới: Từ đêm 04/06 đến ngày 06/06: chiều tối và đêm có mưa rào và dông vài nơi, ngày nắng nóng. Từ đêm 06/06 đến ngày 11/06: chiều tối và tối có mưa rào và dông rải rác, cục bộ có mưa to. Nhiệt độ trung bình từ: 29,0°C - 30,0°C. Giá trị tổng lượng mưa 20 - 50 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

| STT | Vụ Hè thu 2024 | |
|-----|-----------------------|---------------------------|
| | Giai đoạn sinh trưởng | Diện tích gieo trồng (ha) |
| 1 | Mạ | 1.186,0 |
| 2 | Đẻ nhánh | 1.604,0 |
| 3 | Làm đòng | 1.638,0 |
| 4 | Trổ | 289,0 |
| 5 | Chín | 21,0 |
| 6 | Thu hoạch | - |
| | Tổng | 4.738,0 |

b) Cây trồng khác

| Nhóm/loại cây | Giai đoạn sinh trưởng | DTGT (ha) | Nhóm/loại cây | Giai đoạn sinh trưởng | DTGT (ha) |
|----------------------------------|-----------------------|----------------|---------------------------|-----------------------|----------------|
| 1. Cây rau vụ Hè thu 2024 | | 3.568,6 | 2. Hoa, cây kiểng | Nhiều giai đoạn | 2.068 |
| - RALNN | Nhiều giai đoạn | 810,4 | Hoa lan | Nhiều giai đoạn | 305 |
| - RALDN | - | - | Hoa mai | Nhiều giai đoạn | 810 |
| - RCQNN | Nhiều giai đoạn | 307,7 | 3. Cây lương thực | - | - |
| - RCQDN | Nhiều giai đoạn | 227,1 | Bắp | - | - |
| - Rau gia vị | Nhiều giai đoạn | 101,4 | Khoai mì | - | - |
| - Rau thủy sinh | Nhiều giai đoạn | 142,8 | 4. Cây công nghiệp | Nhiều giai đoạn | 1.319,5 |
| - RMN | Nhiều giai đoạn | 1.028,8 | | | |

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

| TT | HUYỆN | Xã | Ngày vào đèn | | | | | | |
|----|--------|------------------|--------------|------|------|------|------|------|------|
| | | | 28/5 | 29/5 | 30/5 | 31/5 | 01/6 | 02/6 | 03/6 |
| 1 | Củ Chi | Thái Mỹ | 64 | 53 | 62 | 59 | 60 | 74 | 168 |
| | | Trung Lập Thượng | 25 | 24 | 20 | 24 | 20 | 14 | 18 |

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Hè thu 2024

| TT | Tên SVGH | Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%) | | | Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến | Phân bố |
|-----|-------------|----------------------------------------|-----|--------|-----------------------------|----------|
| | | Phổ biến | Cao | Cục bộ | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Sâu cuốn lá | 10-25 | | | T1-5 | HM,CC,BT |
| 2 | Bọ xít hôi | 3-6 | | | T1-3 | CC,HM |
| 3 | Bọ trĩ | 3-6 | | | T1-3 | HM,BT |
| 4 | Sâu phao | 1-5 | | | 1-5 | CC,HM |
| 5 | OBV | 2-4 | | | Các giai đoạn | CC,HM,BT |
| 6 | Chuột | 3-5 | | | Các giai đoạn | CC |
| 7 | Đạo ôn | 5-10% | | | C1-C3 | HM,CC |
| 8 | Đóm vằn | 10-15% | | | C1-C3 | CC |

b) Trên cây rau

| TT | Tên SVGH | Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%) | | | Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến | Phân bố |
|-----|--------------------------|----------------------------------------|-----|--------|-----------------------------|---------------------|
| | | Phổ biến | Cao | Cục bộ | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Bọ nhảy | 10-20 | | | 1-5 | HM, Q12,BC,BT |
| 2 | Sâu xanh | 5-10 | | | 1-5 | HM, Q12,BC,BT,CC |
| 3 | Sâu tơ | 10-25 | | | 1-5 | HM, Q12,BC,BT,TĐ |
| 4 | Dòi đục lá | 15-30% | | | 1-5 | HM,CC |
| 5 | Sâu đục trái | 5-10% | | | 1-5 | BC |
| 6 | Sâu ăn tạp | 3-10 | | | 1-5 | HM, Q12,BC,BT,CC |
| 7 | Bọ trĩ | 15-30% | | | 1-5 | BC,CC |
| 8 | Rầy mềm | 15-30% | | | 1-5 | BC,BT |
| 9 | Rầy xanh | 3-7 | | | 1-5 | BC, HM, CC |
| 10 | Rầy xám | 100->500 | | | 1-5 | HM, Q12 |
| 11 | Sâu đục đot | 5-10 | | | 1-5 | BC |
| 12 | Bọ xít đen | 5-10 | | | 1-5 | TĐ |
| 13 | Ruồi đục trái | 5-10% | | | 1-5 | BC,CC |
| 14 | OBV | 3-30 | | | Các giai đoạn | TĐ, HM, Q12 |
| 15 | Óc sên | 3-6 | | | Các giai đoạn | Q12, BC |
| 16 | Tnhũn/r.cải | 5-10% | | | 1-3 | HM, Q12, BC |
| 17 | Rỉ trắng/RM | 2-5% | | | 1-3 | TĐ, HM, Q12, BC, BT |
| 18 | Đóm lá | 5-10% | | | 1-3 | BC, HM, Q12 |
| 19 | Ph.vàng/dưa leo, khồ qua | 5-7 | | | 1-3 | HM |

| TT | Tên SVGH | Mật độ sâu (c/m^2), tỷ lệ bệnh (%) | | | Tuổi sâu, cấp bệnh phô biến | Phân bố |
|-----|----------|--------------------------------------------------|-----|--------|--------------------------------|------------|
| | | Phổ biến | Cao | Cực bộ | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 20 | Vàng lá | 2-10 | | | 1-3 | TĐ, HM, CC |

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa vụ Hè thu 2024: Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 974,9 ha, tăng 86,5 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn với sinh vật hại chủ yếu là sâu phao, sâu cuốn lá, ốc bươu vàng, chuột và bệnh đạo ôn, bệnh đóm vằn. Toàn bộ diện tích nhiễm ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu phao: Diện tích 66,9 ha, giảm 3,2 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

- Sâu cuốn lá: Diện tích 44,7 ha, tăng 11,4 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

- Ốc bươu vàng: Diện tích 638,0 ha, tăng 57,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

- Chuột: Diện tích 85,0 ha, tăng 2,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

- Bệnh đạo ôn: Diện tích 63,7 ha, tăng 11,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi, Hóc Môn.

- Bệnh đóm vằn: Diện tích 51,0 ha, tăng 10,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Củ Chi.

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau trong tuần qua 298,5 ha, tăng 3,4 ha so với tuần trước. Trong đó diện tích phòng trừ là 308,3 lượt ha, chiếm 61,8% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, sâu tơ, ốc bươu vàng, bệnh rỉ trắng và bệnh vàng lá. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích 95,9 ha, tăng 1,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, Quận 12.

- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 54,2 ha, giảm 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi.

- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 18,9 ha, giảm 0,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- Rầy xám: Diện tích nhiễm 17,9 ha, giảm 0,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 207,8 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích 12,0 ha, tương đương so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh vàng lá: Diện tích 19,7 ha, tăng 0,4 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, thành phố Thủ Đức.

c) Cây trồng khác

Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu trên đồng đang ở tuổi 2 - tuổi 3 xuất hiện với mật số thấp. Khuyến cáo nông dân khi thăm đồng cần vạch gốc lúa để quan sát, khi thấy rầy tuổi 2 - 3 xuất hiện với mật số cao >3 (con/dảnh) có thể sử dụng một trong các thuốc bảo vệ thực vật chống lột xác nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để phun trừ. Không phun phòng rầy đặc biệt trên các trà lúa <40 ngày sau sạ để bảo vệ nguồn thiên địch sẵn có và ngăn dịch hại bộc phát vào giai đoạn sau.

- Thời tiết hiện nay có mưa rải rác vào chiều tối và đêm, ban ngày trời nắng nóng là điều kiện thuận lợi cho nấm gây bệnh phát triển gây hại. Chú ý bệnh đạo ôn lá, bệnh đốm vẫn gây hại trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh - đồng.

- Óc bươu vàng: gây hại trên lúa Hè Thu 2024 mới xuống giống <15 ngày sau sạ. Áp dụng các biện pháp như cắm cọc gỗ, cành cây, thả rau xuống muỗng nước đầu ruộng, ... để dẫn dụ óc tập trung đến ăn và đẻ trứng nhằm dễ dàng thu gom, tiêu huỷ.

- Chuột gây hại trên lúa ở các ruộng mới xuống giống sạ khô và ở giai đoạn đồng trổ. Khuyến cáo nông dân áp dụng các biện pháp diệt chuột đồng loạt mang tính cộng đồng trên diện rộng, áp dụng biện pháp bẫy cây trồng ở những vùng đang chuẩn bị sạ để diệt chuột đạt hiệu quả cao.

- Các loại sâu hại: Thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của sâu hại trên đồng, cần lưu ý đến sâu phao, bọ trĩ ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh.

- Các đối tượng khác xuất hiện gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh giổi trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây trồng khác

Cây dừa: lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy đầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Hè thu năm 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ánh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khâm lá virus hại sắn.

- Thực hiện tốt Công văn 2033/BVTV-TV ngày 9 tháng 8 năm 2023 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa của Cục Bảo vệ thực vật.

- Thực hiện Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt; Công văn số 3005/UBND-KT ngày 29/5/2024 về việc thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt trên địa bàn Thành phố.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./. *Lưu*

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP.Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TT BVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TT BVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (01).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực



Phụ lục I
CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2024
TRỒNG TRỌT HỢP ĐIỆN TÍCH NHIỀM SVGH
số: 55/BC-CCTTBVTV, ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
(Kèm theo Cرار/Điều 14/2024/QĐ-BNNPTNT)

| STT | Tên SVGH | Diện tích nhiễm (ha) | | | Tổng DTN (ha) | | | So sánh DTN (+/-) | | DT phòng trừ (ha) | Phân bón |
|-----|-------------|----------------------|------|-----|---------------|-------|-------|-------------------|------|-------------------|----------|
| | | Nhẹ-Tv | Nặng | MT | Kỳ trước | CKNT | (9) | (10) | (10) | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | | |
| 1 | Sâu cuốn lá | 44,7 | | | 44,7 | 33,3 | 72 | | | CC, HM, BT | |
| 2 | Bọ xít hôi | 21,2 | | | 21,2 | 10 | 30 | | | CC, HM | |
| 3 | Bọ trĩ | 4,4 | | | 4,4 | 18,1 | - | | | HM, BT | |
| 4 | Sâu phao | 66,9 | | | 66,9 | 70,1 | 141 | | | CC, HM | |
| 5 | Đạo ôn | 63,7 | | | 63,7 | 51,9 | 127 | | | HM, CC | |
| 6 | Đóm vằn | 51,0 | | | 51,0 | 41 | 101 | | | CC | |
| 7 | OBV | 638,0 | | | 638,0 | 581 | 266 | | | CC, HM, BT | |
| 8 | Chuột | 85,0 | | | 85,0 | 83 | 216 | | | CC | |
| | Tổng | 974,9 | | | 974,9 | 888,4 | 953,0 | | | | |

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT



Phụ lục II
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU
(Kèm theo Báo cáo số: 57/BC-CCTTBVTV, ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

| STT | Tên SVGH | Diện tích nhiễm (ha) | | | Tổng DTN (ha) | So sánh DTN (+/-) | DT phòng trừ (ha) | Phân bón | |
|-----|-----------------------------|----------------------|------|-----|---------------|-------------------|-------------------|----------|---------------------|
| | | Nhẹ-Tb | Nặng | MT | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | Bọ nhảy | 18,9 | | | 18,9 | 19,7 | 17,3 | 13,5 | HM, Q12, BC, BT |
| 2 | Sâu xanh | 54,2 | | | 54,2 | 55,2 | 69,3 | 36,3 | HM, Q12, BC, BT, CC |
| 3 | Sâu tơ | 11,5 | | | 11,5 | 11,2 | 12,7 | 8,1 | HM, Q12, BC, BT, TD |
| 4 | Dòi đục lá | 11,4 | | | 11,4 | 11,4 | 30,4 | 10,2 | HM, CC |
| 5 | Sâu đục trái | 1,8 | | | 1,8 | 1,8 | 1,8 | 1,8 | BC |
| 6 | Sâu ăn tắp | 95,5 | | | 95,5 | 93,6 | 115,6 | 66,0 | HM, Q12, BC, BT, CC |
| 7 | Bọ trĩ | 10,7 | | | 10,7 | 10,7 | 26,8 | 8,7 | BC, CC |
| 8 | Rầy mềm | 1,1 | | | 1,1 | 1,1 | 11,1 | 1,0 | BC, BT |
| 9 | Rầy xanh | 9,5 | | | 9,5 | 7,5 | 18,9 | 6,3 | BC, HM, CC |
| 10 | Rầy xám | 17,9 | | | 17,9 | 18,2 | 22,2 | 9,2 | HM, Q12 |
| 11 | Bọ phấn | - | | | - | - | 13,0 | - | - |
| 12 | Sâu đục đốt | 0,7 | | | 0,7 | 0,7 | 0,9 | 0,7 | BC |
| 13 | Bọ xít đen | 4,0 | | | 4,0 | 4,0 | 4,0 | TD | |
| 14 | Ruồi đục trái | 8,5 | | | 8,5 | 8,5 | 11,2 | 6,5 | BC, CC |
| 15 | OBV | 207,8 | | | 207,8 | 207,8 | 208,6 | 109,7 | TD, HM, Q12 |
| 16 | Óc sên | 0,60 | | | 0,60 | 0,6 | 0,60 | 0,5 | Q12, BC |
| 17 | Trnhũn/r.cải | 7,5 | | | 7,5 | 6,7 | 6,7 | 4,1 | HM, Q12, BC |
| 18 | Ri trắng/RM | 12,0 | | | 12,0 | 12,0 | 36,4 | 8,3 | TD, HM, Q12, BC, BT |
| 19 | Đỗm lá | 4,4 | | | 4,4 | 4,3 | 7,8 | 3,0 | BC, HM, Q12 |
| 20 | Phân vàng/dura leo, khô qua | 0,8 | | | 0,8 | 0,8 | 2,5 | 0,4 | HM |
| 21 | Vàng lá | 19,7 | | | 19,7 | 19,3 | 7,7 | 14,0 | TD, HM, CC |
| | Tổng | 498,5 | | | 498,5 | 495,1 | 625,5 | 308,3 | |

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT